

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2020/HS-ST**  
Ngày 21 - 12 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH KON TUM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoa Như

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông A Ku

2. Bà Nguyễn Thị Huyền Trang

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tô Quang Đô – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:** Bà Y Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

**A Đ** sinh ngày 11 tháng 5 năm 2002 tại tỉnh Kon Tum; nơi cư trú: Thôn ĐR, xã P, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): **9/12**; dân tộc: Rơ Ngao; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; con ông A T và bà Y D; tiền án: Không, tiền sự: Không.

*Nhân thân:*

Ngày 07 tháng 8 năm 2018, bị Công an huyện Đ, tỉnh Kon Tum xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” (đã chấp hành xong).

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

**- Người bị hại:**

1. Anh Nguyễn Nhật T sinh năm 1983 (Có đơn xin xử vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Ái Xuân Q sinh năm 1990 (Có đơn xin xử vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn 04, xã T, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh A Tr sinh năm 1982 (Có mặt)

Trú tại: Thôn ĐR, xã P, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 03 tháng 5 năm 2020, A Đ đến quán Internet của chị Nguyễn Ái Xuân Q để chơi game. Trong lúc trông hộ quán cho chị Q, Đ thấy cửa phòng ngủ không khóa nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Đ đi vào phòng ngủ, lục tủ nhựa đựng quần áo lấy số tiền 600.000 đồng cùng một số trang sức gồm 01 sợi dây chuyền, 01 lắc tay, 03 nhẫn và 01 đôi bông tai, tất cả đều bằng kim loại màu vàng. Sau khi lấy được số tài sản trên, Đ đem số trang sức giấu dưới viên gạch gần sát tường rào phía sau nhà chị Q, còn số tiền 600.000 đồng Đ cất giấu trong người và tiêu xài gần hết.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, chị Q kiểm tra tài sản thì phát hiện số tiền 600.000 đồng và số trang sức để trong tủ nhựa đã bị mất nên đã trình báo sự việc trên với Cơ quan Công an.

Kết luận giám định xác định các trang sức trên đều có chứa hàm lượng vàng, kết luận định giá tài sản xác định: 01 sợi dây chuyền trị giá 2.687.003 đồng; 01 lắc tay trị giá 6.691.835 đồng; 01 nhẫn trị giá 1.078.224 đồng; 01 nhẫn trị giá 1.240.813; 01 nhẫn trị giá 2.252.413 đồng; 02 bông tai trị giá 1.172.355 đồng. Tổng giá trị các tài sản là **15.394.643** đồng.

Tại bản cáo trạng số 25/CT-VKS ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo A Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, 91, 100, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự 2015: xử phạt bị cáo A Đ từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử lý án phí theo quy định pháp luật.

Ý kiến của bị cáo: Không có ý kiến gì, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án

đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đảm bảo thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo A Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trước đây tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 03 tháng 5 năm 2020, lợi dụng sự tin tưởng của chị Q nhờ trông nhà hộ, A Đ đã lén lút vào phòng ngủ lấy trộm tiền và một số đồ trang sức của gia đình chị Q, có tổng giá trị là 15.994.643 đồng.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum đã truy tố bị cáo A Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, vì đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, tạo tâm lý hoang mang, lo sợ cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản và tác động xấu đến đời sống của nhân dân tại địa phương.

Bị cáo A Đ không phải là người có nhân thân tốt, vì trước khi phạm tội này, bị cáo A Đ đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” (đã được xóa tiền sự) nhưng bị cáo không cho thấy sự ăn năn hối cải, lấy đó làm bài học tự rèn luyện cho bản thân mà còn thể hiện sự xem thường kỷ cương, pháp luật của nhà nước khi lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” với tính chất, mức độ nghiêm trọng hơn.

Biện pháp xử phạt vi phạm hành chính không phát huy tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định là cần thiết, đủ để bị cáo cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đồng thời, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người bị hại. Tại Cơ quan điều tra, người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tài sản cũng

đã được thu hồi nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, khi phạm tội bị cáo đang ở độ tuổi (17 tuổi 11 tháng 22 ngày). Đến khi khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã đủ 18 tuổi nên các thủ tục tố tụng hình sự không áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội, nhưng cần áp dụng các điều luật của Bộ luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội, mức hình phạt bằng  $\frac{3}{4}$  mức phạt tù mà điều luật quy định.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại và người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Anh A T không yêu cầu bị cáo A Đ phải hoàn trả lại số tiền mà anh Trường đã bồi thường cho người bị hại thay cho bị cáo nên không xem xét giải quyết.

[8] Về vật chứng vụ án:

Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu là đúng pháp luật.

[9] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo **A Đ** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

**Xử phạt:** Bị cáo **A Đ 05 (năm)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

**Về án phí:** Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo A Đ phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

**Về quyền kháng cáo:**

Căn cứ vào các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21 - 12 - 2020), bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đ;
- Bộ phận HSNV Công an huyện Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu bản án; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Lê Hoa Như**

án được niêm yết.



